TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2021/DS-ST
Ngày: 13/5/2021
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ.
Các hội thẩm nhân dân: - Ông Dương Đức Bản
- Ông Hoàng Văn Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 04/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2021 "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản''. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST- DS ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Quang N; sinh năm 1950 và vợ là bà Trần Thị T; sinh năm 1952; cùng có nơi đăng ký HKTT: Thôn H, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị L, sinh năm: 1959; nơi đăng ký HKTT: Thôn H, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Hoàng Quang N và vợ là bà Trần Thị T trình bày:

Vào năm 10/3/1997 âm lịch, trên cơ sở mối quan hệ quen biết, làng xóm bà Hoàng Thị L có vay mượn vợ chồng ông Hoàng Quang N và bà Trần Thị T 08 chỉ vàng 9999 (vàng ta). Sau nhiều lần đòi nợ không trả ông N có làm đơn lên Ủy ban nhân dân xã B, thành phố Đ tố cáo việc bà L chiếm đoạt tài sản. Ngày 19/9/2014

Ủy ban nhân dân xã B tiến hành mời bà Hoàng Thị L lên làm việc, tại buổi làm việc bà L thừa nhân nợ và hứa với vợ chồng ông Hoàng Quang N, bà Trần Thị T sẽ trả hết trong vòng 30 ngày nhưng sau buổi làm việc bà L chỉ trả cho vợ chồng ông N bà T 01 chỉ vàng, trong thời gian từ lúc ông N bà T làm đơn đến Tòa án bà L có trả thêm 01 chỉ vàng 9999. Đến thời điểm hôm nay (ngày 13/5/2021), bà L còn nợ vợ chồng ông N bà T 06 chỉ vàng 9999 (vàng ta), trên cơ sở giá vàng của các tiệm vàng trên khu vực địa bàn TP Đ, là 01 chỉ vàng 9999 là 5.270.000 đồng tính đến thời điểm hiện tại hôm nay thì vợ chồng ông N bà T đề nghị bà L phải trả cho ông bà số vàng còn nợ quy ra tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là: 06 chỉ vàng 9999 (vàng ta) x 01 chỉ 5.270.000 đồng = 31.620.000 đồng (ba mươi mốt triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông N, bà T thì ông N bà T yêu cầu bà L phải trả cho ông N bà T số tiền: 31.620.000 đồng (ba mươi mốt triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng chẵn). Ngoài ra ông N, bà T không yêu cầu bà L trả tiền lãi.

* Tại bản tự khai, biên bản mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Hoàng Thị L trình bày:

Bà L thừa nhận vào năm 1997 vì nhu cầu cá nhân nên bà L có mượn vàng của ông N và bà T và bà L thừa nhận đến thời điểm hôm nay bà L còn nợ vợ chồng ông N và bà T là 06 chỉ vàng 9999 (vàng ta). Bà L đồng ý theo ý kiến của vợ chồng ông N, bà T để tính số vàng nói trên dựa trên cơ sở giá vàng của các tiệm vàng trên khu vực địa bàn TP Đ, tỉnh Quảng Bình tính đến thời điểm ngày 13/5/2021 thì số tiền bà L còn nợ và phải trả cho vợ chồng ông N, bà T (số vàng còn nợ được quy ra tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là: 06 chỉ vàng 9999 (vàng ta) x 01 chỉ là 5.270.000 đồng = 31.620.000 đồng (ba mươi mốt triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).

Nay vợ chồng ông N, bà T kiện đến Tòa án buộc bà L trả nợ như trong đơn khởi kiện, bà L hoàn toàn nhất trí nhưng cho bà L xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) vì điều kiện hiện tại của bà L kinh tế rất khó khăn.

Tại phiên tòa nguyên đơn, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không thay đổi ý kiến. Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đã thừa nhận khoản nợ vay, nhưng không thỏa thuận được với nhau về việc thời gian, lộ trình trả nợ nên vụ án không thuộc trường hợp hòa giải không thành và Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nội dung tranh chấp giữa ông Hoàng Quang N và bà Trần Thị T với bà Hoàng Thị L làm phát sinh quan hệ về Tranh chấp dân sự "Hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 467 của Bộ luật dân sự năm 1995 và nơi bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn H, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định pháp luật, về thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35, 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ, lời khai nhận của các đương sự có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Việc ông Hoàng Quang N và bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu bà Hoàng Thị L chịu trách nhiệm cá nhân trả cho ông Hoàng Quang N và bà Trần Thị T số tiền: 06 chỉ vàng 9999 (vàng ta) x 01 chỉ là 5.270.000 đồng = 31.620.000 đồng (ba mươi mốt triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng chẵn) là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, trong quá trình viết bản tự khai, thông qua các buổi hòa giải, bị đơn bà Hoàng Thị L đã thừa nhận vì nhu cầu cá nhân nên có mượn của vợ chồng ông Hoàng Quang N và bà Trần Thị T là 08 chỉ vàng sau đó vào năm 2014 đến nay bà L có trả cho vợ chồng ông Nhật bà T 02 chỉ vàng 9999. Tại phiên tòa bà L thừa nhận còn nợ của vợ chồng ông N, bà T là 06 chỉ vàng 9999 (vàng ta) vàng được tính theo giá vàng hiện nay trên địa bàn thành phố Đồng Hới, giá trị 01 chỉ vàng 9999 là 5.270.000 đồng x 06 chỉ = 31.620.000 đồng (ba mươi mốt triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng chẵn). Lý do bà L không trả tiền cho ông N bà T là do bà L không có khả năng, bản thân đau ốm, kinh tế khó khăn. Và hiện tại tính đến ngày 13/5/2021 bà L thừa nhận còn nợ vợ chồng ông N bà T số tiền là 06 chỉ vàng 9999 (vàng ta) x giá trị 01 chỉ vàng 9999 là 5.270.000 đồng = 31.620.000 đồng (ba mươi mốt triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tính đến ngày 13/5/2021 với số tiền là 31.620.000 đồng (ba mươi mốt triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).

[3] Về lãi suất:

Xét thấy, tại bản tự khai và các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa, ông N bà T không yêu cầu bà L trả số tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn bà Hoàng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Nhưng căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Hoàng Thị L được miễn nộp tiền án phí (bà L đã có đơn xin miễn án phí).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Áp dụng Điều 467, 471 Bộ luật Dân sự năm 1995

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Quang N và bà Trần Thị T.

1.1. Buộc bà Hoàng Thị L phải trả cho ông Hoàng Quang N và bà Trần Thị T tính đến ngày 13/5/2021 với số tiền là 31.620.000 đồng (ba mươi mốt triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 14/5/2021 cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng bà Hoàng Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí Dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Hoàng Quang N và bà Trần Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị đơn bà Hoàng Thị L được miễn án phí (bà Hoàng Thị L đã có đơn xin miễn án phí).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh QB;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Lệ